

Số: /QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện chính sách, chế độ
trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1488/QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho 10 địa phương để thực hiện chi trả chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Kết luận số 3979-KL/TU ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương phân bổ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu tại Quyết định số 1488/QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 7998/TTr-STC ngày 19 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện chính sách, chế độ trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, với các nội dung chính như sau:

1. Dự toán kinh phí phân bổ:

a) Tổng dự toán kinh phí ngân sách tỉnh Thanh Hóa được bổ sung theo Quyết định số 1488/QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ: 764.399.000.000 đồng (bảy trăm sáu mươi tư tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu đồng).

b) Dự toán kinh phí đã phân bổ: 337.658.530.525 đồng (ba trăm ba mươi bảy tỷ, sáu trăm năm mươi tám triệu, năm trăm ba mươi nghìn, năm trăm hai mươi lăm đồng).

c) Dự toán kinh phí phân bổ đợt này: 19.845.571.849 đồng (mười chín tỷ, tám trăm bốn mươi lăm triệu, năm trăm bảy mươi một nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng), trong đó:

- Thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi: 17.268.180.604 đồng (mười bảy tỷ, hai trăm sáu mươi tám triệu, một trăm tám mươi nghìn, sáu trăm lẻ bốn đồng).

- Thực hiện chính sách nghỉ thôi việc: 2.577.391.245 đồng (hai tỷ, năm trăm bảy mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi nghìn, hai trăm bốn mươi lăm đồng).

d) Dự toán kinh phí còn lại chưa phân bổ: 406.894.897.626 đồng (bốn trăm lẻ sáu tỷ, tám trăm chín mươi tư triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn, sáu trăm hai mươi sáu đồng).

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh tại Quyết định số 1488/QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, Sở Nội vụ chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý, trình tự, thủ tục, thẩm quyền đề nghị phê duyệt của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và việc đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định (kể cả các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ liên quan đến nội dung trình nhưng chưa được đề cập tại các văn bản tham mưu, thẩm định, tham gia ý kiến).

2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực XI có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát và thực hiện các thủ tục nghiệp vụ cấp kinh phí cho các đơn vị có tên tại phụ lục kèm theo Quyết định này, đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định. Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI có trách nhiệm từ chối theo thẩm quyền các khoản chi không đủ điều kiện chi theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định hiện hành; tham mưu đề xuất, báo cáo nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc nếu có nội dung chưa phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

3. Các đơn vị có tên tại phụ lục kèm theo Quyết định này có trách nhiệm rà soát về đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn để thực hiện các trình tự, thủ tục thực hiện chính sách theo đúng quy định của pháp luật; quản lý kinh phí được giao và chi trả cho người thụ hưởng theo đúng chế độ, chính sách, điều kiện, tiêu chuẩn, định mức, mục tiêu, đối tượng, công khai, minh bạch và thanh quyết toán theo

quy định hiện hành. Thủ trưởng đơn vị thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao và chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về quyết định chi trả chế độ, chính sách do mình ban hành; tham mưu đề xuất, báo cáo nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề vượt thẩm quyền.

4. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Kho bạc Nhà nước khu vực XI, Bảo hiểm xã hội tỉnh, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin và theo dõi, hướng dẫn, giải quyết các công việc liên quan đến việc tổ chức thực hiện của các đơn vị có tên tại phụ lục kèm theo Quyết định này theo quy định; tham mưu đề xuất, báo cáo nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc nếu có nội dung chưa phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại phụ lục kèm theo Quyết định này và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Minh Tuấn

Phụ lục:

**DỰ TOÁN KINH PHÍ PHÂN BỐ ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ
TRONG THỰC HIỆN SẮP XẾP BỘ MÁY CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Dự toán kinh phí giao các đơn vị (đồng)		
		Chính sách nghỉ hưu trước tuổi	Chính sách nghỉ thôi việc	Tổng cộng
	Tổng cộng	17.268.180.604	2.577.391.245	19.845.571.849
I	Khối Đảng - Đoàn thể			1.806.381.468
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thanh Hóa	1.806.381.468		1.806.381.468
II	Khối Hành chính		2.577.391.245	16.244.336.670
1	Văn phòng UBND tỉnh	1.675.030.500		1.675.030.500
2	Sở Xây dựng	1.065.619.620	1.575.340.650	2.640.960.270
3	Sở Nông nghiệp và Môi trường	913.140.540		913.140.540
4	Sở Tư pháp	1.307.826.000		1.307.826.000
5	Thanh tra tỉnh	1.759.918.371		1.759.918.371
6	Sở Khoa học và Công nghệ	1.329.193.125		1.329.193.125
7	Sở Y tế	2.306.307.627		2.306.307.627
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1.653.698.592		1.653.698.592
9	Chi cục Quản lý thị trường	1.656.211.050		1.656.211.050
10	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật		1.002.050.595	1.002.050.595
III	Khối Sự nghiệp			1.794.853.710
1	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Thiệu Hóa	720.866.250		720.866.250
2	Cơ sở Cai nghiện ma túy số 1 Thanh Hóa (cấp qua Văn phòng Sở Nội vụ)	1.073.987.460		1.073.987.460